

Bản án số: 70/2024/DS-PT

Ngày: 06-9-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Quang;

Các Thẩm phán: ông Lê Trúc Lâm và bà Vũ Ngọc Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Võ Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** ông Phan Văn Công – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 25/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2024/QĐ-PT ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2024/QĐ-PT ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1990; nơi cư trú: P, Hòa Hiệp T, Đ, Phú Yên; có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1979; cùng trú tại: P, Hòa Hiệp B, Đ, Phú Yên. Ông K vắng mặt, bà T1 có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2020, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày:

Vì chỗ quan hệ họ hàng, bà H gọi ông Nguyễn Hữu K là cậu nên ngày 16/8/2020 dương lịch, bà (H) có mua của vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Huyền T1 một thửa đất với diện tích dựa 617,5m² đất tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên với giá 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Sau khi thoả thuận việc mua bán xong, vợ chồng ông K, bà T1 có mượn bà thêm số tiền

150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), trong đó gồm 50.000.000 đồng dùng để làm thủ tục sang tên chuyển nhượng, 100.000.000 đồng hẹn đến ngày 20/8/2020 sẽ trả lại cho bà. Việc vay mượn tiền có viết giấy, vợ chồng ông **K** và bà **T1** ký xác nhận.

Đến ngày 06/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2020 dương lịch), bà **Nguyễn Thị Huyền T1** trả cho bà 45.000.000 đồng (gồm 40.000.000 đồng trả cho khoản nợ 100.000.000 đồng; và 5.000.000 đồng tiền trả lại làm thủ tục sang tên) nên cả hai ghi lại tờ giấy nợ viết chữ màu đỏ còn nợ 60.000.000 đồng. Và phần tiền 50.000.000 đồng vợ chồng bà **T1** hứa làm sổ đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) sang tên cho bà nhưng không làm được nên bà phải tự bỏ ra số tiền để làm thủ tục sang tên, sau đó bà **T1** chỉ mới trả lại cho bà 5.000.000 đồng. Như vậy vợ chồng ông **K**, bà **T1** nợ bà tổng cộng 150.000.000 đồng, đã trả 45.000.000 đồng nên còn nợ bà số tiền 105.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn đã được sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông **Nguyễn Hữu K**, bà **Nguyễn Thị Huyền T1** trả số nợ 60.000.000 đồng cho bà theo Giấy ngày 06/7/2020 âm lịch.

*Bị đơn ông **Nguyễn Hữu K** và bà **Nguyễn Thị Huyền T1** trình bày:*

Vợ chồng bà thực tế chỉ còn nợ bà **Lê Thị Ngọc H** số tiền 60.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 06/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 24/8 dương lịch). Còn tờ giấy bà **H** đưa ra để kiện là bị bãi bỏ vì theo thỏa thuận giữa hai bên trước đó là sau khi sang tên sổ đỏ thì xóa nợ nên vợ chồng bà không còn nợ bà **H** nữa vì lý do thừa đất của vợ chồng tôi đã sang tên cho bà **H** xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 25/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 5, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị Ngọc H** về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” vì có căn cứ.

Buộc vợ chồng ông **Nguyễn Hữu K**, bà **Nguyễn Thị Huyền T1** phải trả cho vợ chồng bà **Lê Thị Ngọc H** số tiền 82.500.000đ (*Tám mươi hai triệu năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành xong.

Ngày 07/6/2024 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo - bị đơn kháng cáo không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, bị đơn bà T1 thừa nhận có nợ nguyên đơn 60.000.000 đồng theo Giấy mượn đề ngày 06/7/2020 âm lịch nhưng được xóa nợ vì thừa đất mà bị đơn chuyển nhượng đã được sang tên cho nguyên đơn, nguyên đơn có hứa sau khi làm thủ tục sang tên xong sẽ xóa nợ cho bị đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận việc xóa nợ cho bị đơn. Bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc nguyên đơn xóa nợ cho mình nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 25/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Về án phí: bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003199 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, bà T1 đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- P.TTNV&THA;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tx. Đông Hòa;
- TAND Tx. Đông Hòa;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang